

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **715/2018/HNGĐ-ST**;

Ngày: 21/6/2018.

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ M

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Tiên.

2/ Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận G, Thành phố M tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1976.

Thường trú: Ấp B, thị trấn M, huyện A, tỉnh H.

Tạm trú: 43/3 Tổ 2, Khu phố 6, phường T, Quận G, Thành phố M.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị D, sinh năm: 1978.

Thường trú: Ấp B, thị trấn M, huyện A, tỉnh H.

Tạm trú: 43/3 Tổ 2, Khu phố 6, phường T, Quận G, Thành phố M.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2017, bản tự khai ngày 07/3/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 01/01/2000 ông và bà D về chung sống với nhau. Đến ngày 28/8/2001, ông và bà D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1.

Từ năm 2001 đến năm 2010 vợ chồng ông bà chung sống thường xuyên không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau và từ năm 2010 đến năm 2014 ông cảm thấy không còn tình cảm với bà D nữa. Ông và bà D chính thức ly thân từ năm 2014 đến nay. Do vậy, ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là: Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/8/2001. Ông yêu cầu giao con chung cho bà D nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn C yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị D. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn đang cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố M.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt đến lần thứ 2 không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

**Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1, ngày 28/8/2001).

Theo xác minh tại chính quyền địa phương thì trong thời gian sống chung tại địa phương giữa ông chính và bà D có đôi lần xảy ra mâu thuẫn nội bộ giữa hai vợ chồng nhưng không ảnh hưởng đến mọi người xung quanh và chính quyền địa phương. Hiện nay, ông C và bà D không còn sống chung với nhau và đã ly thân hơn một năm nay, thỉnh thoảng ông C có về thăm con. Giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau do điều kiện, thời gian về công việc của ông C thường đi xa và do kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn từ đó luôn có những vấn đề không vừa lòng nhau.

Theo lời ông C trình bày thì ông không còn tình cảm với bà D, cuộc sống hôn nhân luôn xảy ra mâu thuẫn, hai người không còn tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay và mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà D lên Tòa án làm việc với mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông C và bà D nhưng bà D không tới Tòa án làm việc. Điều này thể hiện rõ bà D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông C, không còn mong muốn cuộc sống hôn nhân với ông C. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của ông C với bà D là có cơ sở và được chấp nhận. Ông C được ly hôn với bà D.

**Về con chung:* Ông C và bà D có một con chung tên Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/8/2001. Ông yêu cầu giao con chung cho bà D nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với thực tế, để đảm bảo cho việc phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý ổn định của trẻ nhỏ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên của ông C.

** Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về án phí ly hôn:* Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 33, 35, 131, 179, 199, 202, 208, 236, 238, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Phan Thị D.

2/ Về con chung: Giao cho bà Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trẻ Nguyễn Thị Thu Hiền, sinh ngày 14/8/2001.

Ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng Vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi con chung tròn 18 (mười tám) tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bị đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu nguyên đơn chưa giao số tiền cấp dưỡng nêu trên, thì nguyên đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích con chung người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:

Buộc ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ông C đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0035254 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố M. Cản trừ đi ông Nguyễn

Văn C còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận G.

5/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Hương